



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 29



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

Số 07, đường Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Thiên

Chủ tịch (Từ nhiệm ngày 29/6/2016)

Ông Nguyễn Văn Trí

Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 29/6/2016)

Ông Dương Hoàng Sơn

Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/6/2016)

Ông Võ Văn Bình

Thành viên

Ông Nguyễn Thanh Phong

Thành viên

Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Thành viên

Ông Lý Thế Anh Tuấn

Thành viên

Ông Trần Chiến Công

Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/6/2016 – miễn nhiệm ngày 27/9/2016)

Bà Nguyễn Thị Diên

Thành viên (Bổ nhiệm ngày 7/9/2016)

**Tổng Giám đốc**

Ông Trần Thế Hưng

Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



*(Handwritten signature in blue ink)*

Trần Thế Hưng

Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 17 tháng 3 năm 2017



Số: 034/VACO/BCKT.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 17/3/2017, từ trang 04 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

### *Trách nhiệm của Tổng Giám đốc*

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Các vấn đề nhấn mạnh*

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 02, Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại thời điểm 31/12/2016 tổng nợ phải trả ngắn hạn đang lớn hơn tổng tài sản ngắn hạn nhưng Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn do đã có kế hoạch hoạt động trong tương lai. Chưa có bút toán điều chỉnh nào liên quan đến sự kiện chưa chắc chắn này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2016, khoản đầu tư 200.000 cổ phiếu phổ thông (tương đương 25% vốn điều lệ) của Công ty vào Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước – Môi trường vẫn đang đứng tên bà Dương Anh Thư. Hiện tại, Công ty vẫn đang thực hiện thủ tục để chuyển sổ cổ đông cho khoản đầu tư trên sang tên Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong năm Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 31/12/2016.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Nguyễn Đức Tiên  
Giám đốc Chi nhánh  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2013-156-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Tp. HCM, ngày 17 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Ngọc Thạch  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2014-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>131.323.087.809</b>	<b>254.164.189.923</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>6.224.695.211</b>	<b>48.388.873.403</b>
1. Tiền	111	5	6.224.695.211	48.388.873.403
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>102.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	102.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>113.913.377.754</b>	<b>42.457.454.676</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	5.466.016.920	2.097.764.046
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	31.226.126.295	25.945.025.237
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	1.000.000.000	5.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	76.221.234.539	9.414.665.393
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3.396.316.586</b>	<b>52.901.288.783</b>
1. Hàng tồn kho	141	11	3.396.316.586	52.901.288.783
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.788.698.258</b>	<b>8.416.573.061</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	424.487.466	58.357.701
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.364.210.792	8.358.215.360
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.313.716.491.692</b>	<b>606.779.118.404</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>451.176.800.084</b>	<b>479.022.295.170</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	441.813.975.034	469.127.785.760
- Nguyên giá	222		493.832.043.304	493.189.854.213
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.018.068.270)	(24.062.068.453)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	9.362.825.050	9.894.509.410
- Nguyên giá	228		10.047.625.730	10.047.625.730
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(684.800.680)	(153.116.320)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>133.858.999.617</b>	<b>161.611</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	133.858.999.617	161.611
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>16</b>	<b>726.300.995.600</b>	<b>125.441.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		561.750.000.000	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		166.052.345.353	125.441.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.501.349.753)	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.379.696.391</b>	<b>2.315.661.623</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	2.379.696.391	2.315.661.623
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.445.039.579.501</b>	<b>860.943.308.327</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,041,203,352,083</b>	<b>556,263,408,009</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>634,138,620,996</b>	<b>199,405,176,922</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	15,196,040,451	374,507,700
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	456,727,415	873,791,497
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	6,914,154,283	48,407,117,001
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	285,603,506,250	30,000,000,000
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	320,229,866,653	117,001,000,000
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5,738,325,944	2,748,760,724
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>407,064,731,087</b>	<b>356,858,231,087</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	407,064,731,087	356,858,231,087
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>403,836,227,418</b>	<b>304,679,900,318</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>403,836,227,418</b>	<b>304,679,900,318</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		347,810,143,750	300,500,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		347,810,143,750	300,500,000,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2,988,240,054	2,988,240,054
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		53,037,843,614	1,191,660,264
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		1,191,660,264	1,191,660,264
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		51,846,183,350	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1,445,039,579,501</b>	<b>860,943,308,327</b>



**Trần Thế Hưng**  
Tổng Giám đốc  
Bình Dương, ngày 17 tháng 3 năm 2017

**Tăng Tô Vân**  
Kế toán trưởng

**Đinh Thị Thúy Nga**  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	150.556.031.080	101.919.224.527
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		150.556.031.080	101.919.224.527
4. Giá vốn hàng bán	11	24	49.659.611.737	37.431.861.170
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		100.896.419.343	64.487.363.357
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	12.815.177.981	5.253.527.920
7. Chi phí tài chính	22	27	51.566.172.351	31.977.932.838
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		50.064.822.598	30.393.401.963
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	4.005.948.377	2.390.245.220
9 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		58.139.476.596	35.372.713.219
10. Thu nhập khác	31		-	12.162.363
11. Chi phí khác	32		365.787.346	-
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(365.787.346)	12.162.363
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		57.773.689.250	35.384.875.582
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		57.773.689.250	35.384.875.582
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.575	1.158



Trần Thế Hưng  
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 17 tháng 3 năm 2017

Tăng Tố Vân  
Kế toán trưởng

Đinh Thị Thúy Nga  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	57.773.689.250	35.384.875.582
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	28.487.684.177	21.803.043.017
- Các khoản dự phòng	03	1.501.349.753	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(12.815.177.981)	(5.084.527.920)
- Chi phí lãi vay	06	50.064.822.598	30.393.401.963
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	125.012.367.797	82.496.792.642
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(43.453.572.439)	(4.608.768.807)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	49.504.972.197	(52.740.671.366)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(15.347.037.783)	(22.049.795.321)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(430.164.533)	(2.247.806.457)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(44.842.286.246)	(30.091.557.495)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.937.940.680)	(1.080.753.643)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	67.506.338.313	(30.322.560.447)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(126.980.144.952)	(74.904.025.018)
2. Tiền chi cho vay	23	(390.500.000.000)	(544.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay	24	491.500.000.000	520.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(602.361.345.353)	(72.980.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	91.670.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.751.857.147	4.933.527.920
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(615.589.633.158)	(75.280.497.098)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	47.310.143.750	74.217.500.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	984.421.880.398	351.901.674.378
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(495.812.907.495)	(268.775.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(30.000.000.000)	(7.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	505.919.116.653	150.144.174.378
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(42.164.178.192)	44.541.116.833
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	48.388.873.403	3.847.756.570
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60)	70	6.224.695.211	48.388.873.403



Trần Thế Hưng  
Tổng Giám đốc  
Bình Dương, ngày 17 tháng 3 năm 2017

Tăng Tố Vân  
Kế toán trưởng

Đinh Thị Thúy Nga  
Người lập biểu

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3702226772 đăng ký lần đầu ngày 07/11/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, thay đổi lần thứ 3 ngày 14/7/2016.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 15 người (tại ngày 31/12/2015 là 10 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Đầu tư, khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất;
- Đầu tư, quản lý hệ thống thoát nước;
- Xây dựng công trình công ích;
- Thi công xây dựng, sửa chữa hệ thống cấp thoát nước;
- Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế cấp thoát nước;
- Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế các công trình thủy lợi vừa và nhỏ;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Lập dự toán, dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Bán lẻ và bán buôn vật tư ngành nước;
- Xây dựng nhà các loại;
- Thi công đường dây trung, hạ thế, trạm biến áp, hệ thống chiếu sáng công cộng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Dịch vụ tư vấn về môi trường;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Dịch vụ phân tích, đánh giá chất lượng nước, môi trường.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có đầu tư vào công ty liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %
Công ty Liên kết			
Công ty CP Nước Môi trường Bình Dương	Bình Dương	35,0	35,0

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn**

Tại thời điểm 31/12/2016 tổng nợ phải trả ngắn hạn đang lớn hơn tổng tài sản ngắn hạn là 502.815.533.187 VND. Tổng Giám đốc Công ty đã nhận biết được vấn đề này và khẳng định không ảnh hưởng tới khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty vì một số khoản phải trả cho các cổ đông sẽ được chuyển thành vốn góp khi Công ty có thông báo góp vốn (xem thuyết minh số 20), cơ cấu khoản vay ngắn hạn thành vay dài hạn trong năm tới (xem thuyết minh số 21) và đảm bảo nguồn thu từ cung cấp dịch vụ để đáp ứng nhu cầu thanh toán nợ đến hạn trả trong năm 2017.

**Các bên liên quan**

Các bên liên quan đến Công ty bao gồm:

**Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Nước Môi trường Bình Dương  
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quỳnh Phúc  
Công ty TNHH Thương mại NTP  
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B  
Thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc

**Mối quan hệ**

Công ty liên kết  
Cổ đông lớn  
Cổ đông và cùng thành viên chủ chốt  
Cổ đông và cùng thành viên chủ chốt  
Thành viên chủ chốt

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa hàng tồn kho vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2016 (Số năm khấu hao)
Nhà cửa, vật kiến trúc	15-20
Máy móc, thiết bị	10-15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08-20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy tính được khấu hao trong thời gian 05 năm.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí lợi thế thương mại vị trí đất và san lấp mặt bằng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành của Công ty.

**Nợ phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông; Vốn bổ sung hàng kỳ từ lợi nhuận của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động, đồng thời Công ty đang trong thời gian được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (miễn thuế trong 4 năm, và giảm 50% trong 05 năm tiếp kể từ khi có thu nhập chịu thuế) theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 28/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ cho dự án thuộc hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường theo Quy định của Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 20/5/2008 của Chính phủ. Thu nhập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 là kỳ miễn thuế thu nhập doanh nghiệp thứ ba của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**Số 07, Ngõ Văn Trì, Phường Phú Lợi,  
Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**MÃ SỐ B 09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	530.088.635	640.020.051
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.694.606.576	47.748.853.352
<b>Cộng</b>	<b><u>6.224.695.211</u></b>	<b><u>48.388.873.403</u></b>

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	102.000.000.000	102.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng (i)	5.000.000.000	5.000.000.000	102.000.000.000	102.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>5.000.000.000</u></b>	<b><u>5.000.000.000</u></b>	<b><u>102.000.000.000</u></b>	<b><u>102.000.000.000</u></b>

- (i) Khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng BIDV Chi nhánh Bình Dương với lãi suất 4,3%/năm. Khoản tiền này được thế chấp cho khoản vay có thời hạn 05 tháng với số nợ gốc vay là 105 tỷ tại Ngân hàng BIDV (được trình bày tại thuyết minh số 21 – Vay và nợ thuê tài chính). Khoản tiền gửi này không được tất toán cho đến khi trả hết nợ vay, do vậy Công ty trình bày khoản tiền gửi kỳ hạn này trên khoản mục "đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn".

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>		
Công ty CP Nước Môi trường Bình Dương	5.466.016.920	2.097.764.046
<b>Cộng</b>	<b><u>5.466.016.920</u></b>	<b><u>2.097.764.046</u></b>

Công ty dùng quyền thu tiền nước phát sinh từ hợp đồng mua bán nước sạch với Công ty Cổ phần Nước Môi trường Bình Dương để thế chấp cho các khoản vay chi tiết tại thuyết minh số 21 – Vay và nợ thuê tài chính.

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>a) Trả trước cho người bán là bên liên quan</i>	<b><u>19.218.625.498</u></b>	-
Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	18.973.786.679	-
Công Ty TNHH SX và TM Quỳnh Phúc	244.838.819	-
<i>b) Trả trước cho người bán là đối tượng khác</i>	<b><u>12.007.500.797</u></b>	<b><u>25.945.025.237</u></b>
Công ty Cổ phần Xây lắp điện miền Nam	5.729.470.193	-
Công ty TNHH Đại Phú Thịnh	1.006.916.882	-
XN Cấp nước Khu Liên Hợp	3.588.385.372	-
Cty TNHH Xây Lắp Điện Sông Bé Electric	847.178.350	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	-	25.945.025.237
Đối tượng khác	835.550.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>31.226.126.295</u></b>	<b><u>25.945.025.237</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**Số 07, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi,  
Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn bên liên quan</i>		
- Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B (i)	1.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.000.000.000</u></b>	<b><u>5.000.000.000</u></b>

- (i) Khoản cho Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B vay theo hợp đồng số 19/HĐKT-2016, ngày 27 tháng 12 năm 2016 thời hạn vay là một tháng với lãi suất cho vay là 7,5%/năm.

**10. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>a) Phải thu ngắn hạn bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV TM DV Kỹ Thuật D&B	183.320.834	120.000.000
<i>b) Phải thu ngắn hạn đối tượng khác</i>		
- Ban Quản lý dự án CN Nam Thủ Dầu Một	4.683.169.894	4.683.169.894
- Tạm ứng cho nhân viên (i)	10.287.094.499	4.411.495.499
- Phải thu bà Dương Anh Thu	-	200.000.000
- Phải thu khác	19.053.514	-
<i>c) Phải thu khác về nhận mua hệ cổ phiếu (ii)</i>		
	61.048.595.798	-
<b>Cộng</b>	<b><u>76.221.234.539</u></b>	<b><u>9.414.665.393</u></b>

- (i) Số dư tạm ứng cho nhân viên tại thời điểm cuối năm chủ yếu là tạm ứng cho nhân viên đi thực hiện dự án xây dựng nhà máy nước Bàu Bàng.

- (ii) Phải thu khác về mua 4.060.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai, đã được Công ty ký các hợp đồng hợp tác đầu tư với các công ty khác. Theo nội dung hợp đồng hợp tác đầu tư, Công ty sẽ nhận tiền từ các bên ủy thác để mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai. Sau đó, khi các bên ủy thác yêu cầu, Công ty sẽ làm thủ tục chuyển nhượng lại toàn bộ giá trị cổ phần với giá bằng giá mua ban đầu. Công ty không được hưởng bất kỳ quyền lợi liên quan đến số cổ phần này cho đến khi Công ty thực hiện chuyển nhượng lại các bên. Chi tiết các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 17/2016/HĐKT ngày 11/10/2016 với Công ty CP Thương mại XNK Hiệp Thành Phú; theo đó, Công ty đứng ra thực hiện giao dịch mua và đứng tên hệ 330.000 cổ phần của Công ty CP Cấp nước Đồng Nai với giá 15.000VND/CP, phí chuyển nhượng 0,1% và phí ủy thác theo hợp đồng là 10.000.000 đồng.

- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 15/2016/HĐKT ngày 11/10/2016 với Công ty TNHH Thương Mại N.T.P; theo đó, Công ty đứng ra thực hiện giao dịch mua và đứng tên hệ 330.000 cổ phần của Công ty CP Cấp nước Đồng Nai với giá 15.000VND/CP, phí chuyển nhượng 0,1% và phí ủy thác theo hợp đồng là 10.000.000 đồng.

- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 14/2016/HĐKT ngày 11/10/2016 với Công ty CP Nước Môi trường Bình Dương. Theo điều khoản hợp đồng, Công ty đứng ra thực hiện giao dịch mua và đứng tên hệ 2.700.000 cổ phần của Công ty CP Cấp nước Đồng Nai với giá 15.000VND/CP, phí chuyển nhượng 0,1% và phí ủy thác theo hợp đồng là 10.000.000 đồng

- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 16/2016/HĐKT ngày 11/10/2016 với Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Quỳnh Phúc; theo đó, công ty đứng ra thực hiện giao dịch mua và đứng tên hệ 700.000 cổ phần của Công ty CP Cấp nước Đồng Nai với giá 15.000VND/CP, phí chuyển nhượng 0,1% và phí ủy thác theo hợp đồng là 10.000.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**Số 07, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi,  
Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.396.316.586	-	52.705.050.783	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	196.238.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.396.316.586</b>	<b>-</b>	<b>52.901.288.783</b>	<b>-</b>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<b>424.487.466</b>	<b>58.357.701</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	424.487.466	58.357.701
<i>b) Dài hạn</i>	<b>2.379.696.391</b>	<b>2.315.661.623</b>
Giá trị lợi thế vị trí địa lý các khu đất	74.784.468	164.525.832
Chi phí san lấp mặt bằng dự án cấp nước Nam Thủ Dầu Một (i)	1.646.951.620	1.987.700.224
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	657.960.303	163.435.567

- (i) Chi phí san lấp mặt bằng dự án cấp nước Nam Thủ Dầu Một là khoản tiền chi ra để phục vụ cho việc san lấp, cải tạo mặt bằng để thực hiện dự án Cấp nước Nam Thủ Dầu Một giai đoạn 2 nâng công suất 100.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày đầu năm	222.236.463.949	174.870.340.447	95.993.049.817	90.000.000	493.189.854.213
- Mua trong năm	48.500.000	-	593.689.091	-	642.189.091
Tại ngày cuối năm	<b>222.284.963.949</b>	<b>174.870.340.447</b>	<b>96.586.738.908</b>	<b>90.000.000</b>	<b>493.832.043.304</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày đầu năm	12.485.832.044	6.064.571.333	5.480.495.721	31.169.355	24.062.068.453
- Khấu hao trong năm	14.347.592.598	8.473.353.876	5.120.053.343	15.000.000	27.955.999.817
Tại ngày cuối năm	<b>26.833.424.642</b>	<b>14.537.925.209</b>	<b>10.600.549.064</b>	<b>46.169.355</b>	<b>52.018.068.270</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	<b>209.750.631.905</b>	<b>168.805.769.114</b>	<b>90.512.554.096</b>	<b>58.830.645</b>	<b>469.127.785.760</b>
Tại ngày cuối năm	<b>195.451.539.307</b>	<b>160.332.415.238</b>	<b>85.986.189.844</b>	<b>43.830.645</b>	<b>441.813.975.034</b>

Công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị để thế chấp cho các khoản vay Ngân hàng (xem thuyết minh số 21 – Vay và nợ thuê tài chính).

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**Số 07, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi,  
Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày đầu năm	9.355.595.912	692.029.818	10.047.625.730
Tại ngày cuối năm	9.355.595.912	692.029.818	10.047.625.730
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày đầu năm	77.963.300	75.153.020	153.116.320
- Khấu hao trong năm	467.779.800	63.904.560	531.684.360
Tại ngày cuối năm	545.743.100	139.057.580	684.800.680
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			-
Tại ngày đầu năm	9.277.632.612	616.876.798	9.894.509.410
Tại ngày cuối năm	8.809.852.812	552.972.238	9.362.825.050

**15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Tình hình biến động chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang trong năm:

	Năm nay
	VND
Tại ngày đầu năm	161.611
Tăng trong năm	133.858.999.617
Đầu tư xây dựng nhà máy nước Bàu Bàng	49.400.548.746
Tuyến ống nước thô nhà máy Dĩ An 2 (Nhà máy nước Nam Thủ Dầu Một)	84.458.450.871
Giảm khác	(161.611)
Tại ngày cuối năm	133.858.999.617

**16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	561.750.000.000	-	561.750.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương (i)	561.750.000.000	-	561.750.000.000	-	-	-
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	166.052.345.353	1.501.349.753	164.550.995.600	125.441.000.000	-	125.441.000.000
- Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai (ii)	160.572.345.353	1.501.349.753	159.070.995.600	119.961.000.000	-	119.961.000.000
- Công ty Cổ phần tư vấn cấp thoát nước - Môi trường (iii)	5.480.000.000	-	5.480.000.000	5.480.000.000	-	5.480.000.000
<b>Cộng</b>	<b>727.802.345.353</b>	<b>1.501.349.753</b>	<b>726.300.995.600</b>	<b>125.441.000.000</b>	<b>-</b>	<b>125.441.000.000</b>

- (i) Khoản đầu tư mua 52.500.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Nước- Môi trường Bình Dương (chiếm 35% vốn điều lệ) với giá mua bình quân là 10.700 đồng/cổ phiếu, tổng giá trị là 561.750.000.000 VND. Công ty Cổ phần Nước- Môi trường Bình Dương kinh doanh trong lĩnh vực cấp và thoát nước đô thị; quản lý và khai thác thủy lợi; thu gom và xử lý chất thải – nước thải; tư vấn thiết kế, lập dự toán, dự án các công trình cấp thoát nước; kinh doanh dịch vụ chuyên ngành. Tại ngày 31/12/2016 Công ty Cổ phần Nước- Môi trường Bình Dương đang có lãi lũy kế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**Số 07, Ngõ Văn Trì, Phường Phú Lợi,  
Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- (ii) Khoản đầu tư mua 12.050.833 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (chiếm 12,05% vốn điều lệ) với giá mua bình quân là 13.325 đồng/cổ phiếu, tổng giá trị tương đương 160.572.345.353 đồng. Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600259296 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29/12/2014. Ngành nghề kinh doanh chính là khai thác, xử lý và cung cấp nước phục vụ sinh hoạt. Tại ngày 31/12/2016 thì Công ty này hiện đang có lãi lũy kế.

Tại ngày 31/12/2016, Công ty đã dùng 9.350.000 cổ phiếu này để bảo đảm cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (xem thuyết minh số 21).

- (iii) Theo biên bản thỏa thuận hợp tác đầu tư về việc mua cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát Nước – Môi trường ngày 09/4/2015, Công ty đồng ý giao cho bà Dương Anh Thu đứng tên đăng ký đầu giá mua 200.000 cổ phiếu phổ thông (tương đương 25% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước – Môi trường, với giá mua là 27.400 đồng/cổ phiếu. Tại ngày 31/12/2016, số cổ phiếu phổ thông trên vẫn chưa chuyển sang tên của Công ty.

Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát Nước – Môi trường được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 41031005823 ngày 28/12/2006 với mức vốn điều lệ là 8 tỷ đồng (tương đương 800.000 cổ phiếu). Hoạt động chủ yếu của công ty là tư vấn xây dựng các công trình thuộc lĩnh vực cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải... Tính đến thời điểm 31/12/2016 Công ty cổ phần Tư vấn và Cấp thoát Nước – Môi trường đang có lãi lũy kế.

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>a) Các khoản phải trả người bán là bên liên quan</i>	<b>2.056.032.000</b>	<b>2.056.032.000</b>	-	-
Phải trả Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương về dự án xây dựng nhà máy nước Bàu Bàng	2.056.032.000	2.056.032.000	-	-
<i>b) Các khoản phải trả đối tượng khác</i>	<b>13.140.008.451</b>	<b>13.140.008.451</b>	<b>374.507.700</b>	<b>374.507.700</b>
Công ty CP Xây dựng Số 5	8.585.685.877	8.585.685.877	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Hùng Vương	1.206.790.196	1.206.790.196	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại Viễn Đông	1.300.000.000	1.300.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Prominent Dosiertechnik VN	754.089.273	754.089.273	-	-
Đối tượng khác	1.293.443.105	1.293.443.105	374.507.700	374.507.700
<b>Cộng</b>	<b>15.196.040.451</b>	<b>15.196.040.451</b>	<b>374.507.700</b>	<b>374.507.700</b>

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm	Số phải nộp	Số đã nộp trong	Số đầu năm
	VND	trong năm	năm	VND
<b>Các khoản phải trả</b>				
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	-	139.249.370	139.249.370	-
Thuế thu nhập cá nhân	38.427.415	549.070.794	547.356.796	36.713.417
Thuế tài nguyên	68.300.000	597.517.640	578.217.440	48.999.800
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí	350.000.000	757.370.680	1.195.448.960	788.078.280
<b>Cộng</b>	<b>456.727.415</b>	<b>2.046.208.484</b>	<b>2.463.272.566</b>	<b>873.791.497</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**Số 07, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi,  
Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Chi phí phải trả bên liên quan</i>	<b>1.324.181.645</b>	-
Công ty Cổ phần Nước Môi trường Bình Dương (i)	1.324.181.645	-
<i>Chi phí phải trả đối tượng khác</i>	<b>5.589.972.638</b>	<b>48.407.117.001</b>
Trích trước chi phí lãi vay	5.524.380.820	301.844.468
Phải trả Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	-	47.122.898.897
Phải trả Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường	-	982.373.636
Trích trước chi phí phải trả khác	65.591.818	-
<b>Cộng</b>	<b>6.914.154.283</b>	<b>48.407.117.001</b>

- (i) Khoản chi phí phải trả liên quan đến dự án Nhà máy nước Dĩ An 2.

**20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Phải trả về mượn vốn kinh doanh bên liên quan</i>	<b>175.920.000.000</b>	-
Công ty TNHH MTV TM DV Kỹ Thuật D&B (i)	22.920.000.000	-
Công Ty TNHH SX-TM Quỳnh Phúc (i)	105.000.000.000	-
Công Ty TNHH Thương Mại NTP (i)	48.000.000.000	-
<i>Phải trả về mượn vốn kinh doanh các đơn vị khác</i>	<b>59.253.606.250</b>	-
Công ty CP Thương mại XNK Hiệp Thành Phú(i)	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Thanh(i)	20.000.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh Bất động sản Ngọc Minh (i)	20.000.000.000	-
Nguyễn Ngọc Hồ (i)	4.253.606.250	-
<i>Phải trả khác bên liên quan</i>	<b>45.464.950.000</b>	<b>30.000.000.000</b>
Phải trả Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương về ủy quyền đầu tư mua cổ phiếu (ii)	40.500.000.000	-
Phải trả Công ty TNHH Thương Mại N.T.P về ủy quyền đầu tư mua cổ phiếu (ii)	4.964.950.000	-
Phải trả về cổ tức	-	30.000.000.000
<i>Phải trả đối tượng khác</i>	<b>4.964.950.000</b>	-
Công ty CP Thương mại XNK Hiệp Thành Phú (ii)	4.964.950.000	-
<b>Cộng</b>	<b>285.603.506.250</b>	<b>30.000.000.000</b>

- (i) Các khoản phải trả khác là khoản mượn vốn bằng VND có lãi suất theo các hợp đồng thỏa thuận mượn vốn nhằm mục đích phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các khoản tiền mượn này sẽ được chuyển thành vốn góp của bên cho mượn khi Công ty có thông báo góp vốn và tăng vốn điều lệ theo lộ trình trong thời gian tới.
- (ii) Khoản phải trả nhằm mục đích thực hiện các hợp đồng hợp tác đầu tư mà trong đó Công ty đứng ra mua và đứng tên hệ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (xem thuyết minh số 10).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>320.229.866.653</b>	<b>320.229.866.653</b>	<b>(412.812.907.495)</b>	<b>616.041.774.148</b>	<b>117.001.000.000</b>	<b>117.001.000.000</b>
Vay ngắn hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Dương	102.361.366.653	102.361.366.653	(55.000.000.000)	102.361.366.653	55.000.000.000	55.000.000.000
(i)	105.000.000.000	105.000.000.000	(110.000.000.000)	215.000.000.000	-	-
Vay ngắn hạn BIDV CN Bình Dương(ii)	-	-	(30.000.000.000)	30.000.000.000	-	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	(39.640.000.000)	39.640.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	-	-	(69.000.000.000)	69.000.000.000	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	-	-	(50.570.907.495)	50.570.907.495	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	112.868.500.000	112.868.500.000	(58.602.000.000)	109.469.500.000	62.001.000.000	62.001.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	<b>407.064.731.087</b>	<b>407.064.731.087</b>	<b>(109.469.500.000)</b>	<b>159.676.000.000</b>	<b>356.858.231.087</b>	<b>356.858.231.087</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Bình Dương (iii)	81.301.231.087	81.301.231.087	(17.779.500.000)	-	99.080.731.087	99.080.731.087
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Dương (iv)	217.263.500.000	217.263.500.000	(49.690.000.000)	104.676.000.000	162.277.500.000	162.277.500.000
Quỹ đầu tư phát triển Bình Dương (v)	108.500.000.000	108.500.000.000	(42.000.000.000)	55.000.000.000	95.500.000.000	95.500.000.000

(i) Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD-NH ngày 18/5/2016 với Quỹ đầu tư phát triển Bình Dương để đầu tư xây dựng nhà máy Bàu Bàng. Thời hạn trả nợ gốc là 359 ngày với lãi suất nợ trong hạn tại thời điểm 31/12/2016 là 6%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai là Công trình nhà máy nước Bàu Bàng theo công văn số 86/CPNTDM ngày 17/5/2016 của Công ty CP Nước Thủ Dầu Một về tài sản đảm bảo tiền vay và quyền thu tiền nước của Công ty tại Công ty CP Nước Mới trường Bình Dương (xem thuyết minh số 7). Công ty dự kiến sẽ thực hiện cơ cấu lại nợ từ ngắn hạn sang dài hạn trong năm 2017.

(ii) Khoản vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN- CN Bình Dương theo Hợp đồng tín dụng số 02/2016/5908514/HĐTD ngày 21/12/2016 nhằm mục đích bù đắp thiếu hụt tài chính tạm thời với thời hạn vay 05 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu và lãi suất 8,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản cố định (xem thuyết minh số 13) và khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 01 tháng (xem thuyết minh số 6).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Bình Dương bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 14280090/ 2014-HĐTDDA/NHCT640 ký ngày 24/09/2014 nhằm mục đích thanh toán chi phí đầu tư dự án “Cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng - Trạm bơm nước thô và nhà máy xử lý công suất 45000 m<sup>3</sup>/ngày đêm”. Gốc vay được thanh toán thành 22 kỳ liên tiếp trên cơ sở kỳ hạn 03 tháng một lần, với lãi suất được áp dụng tại thời điểm 31/12/2016 là 8,8%/năm. Công ty dùng tài sản hình thành từ vốn vay làm tài sản đảm bảo (xem thuyết minh số 13). Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2016 là 64.567.231.087 VND.

- Hợp đồng tín dụng số 14290116/2014-HĐTDDA/NHCT640 ký ngày 27/11/2014 nhằm mục đích mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai. Nợ gốc vay được thanh toán mỗi 03 tháng một lần, với lãi suất được áp dụng tại thời điểm 31/12/2016 là 8,7%/năm. Công ty dùng toàn bộ số cổ phiếu đang nắm giữ của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai làm tài sản đảm bảo (xem thuyết minh số 16). Dư nợ gốc vay tại thời điểm 31/12/2016 là 37.912.500.000 VND.

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Bình Dương là các khoản vay theo:

- Hợp đồng tín dụng số 024D14 ký ngày 27/10/2014 nhằm mục đích đầu tư dự án “Cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng - trạm bơm nước thô và nhà máy xử lý công suất 45.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm”. Gốc vay được thanh toán thành 21 kỳ liên tiếp, 3 tháng/1 kỳ, với lãi suất tại thời điểm 31/12/2016 là 7.5%/năm, lãi thanh toán đầu tiên là 28/10/2016. Công ty đã dùng tài sản hình thành từ vốn vay làm tài sản đảm bảo (xem thuyết minh số 13).
- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 008D16 ngày 24/4/2016 nhằm mục đích thanh toán một phần các chi phí hợp lý hợp lệ để thực hiện dự án “Dự án Cấp nước Nam Thủ Dầu Một - giai đoạn 2 nâng công suất lên 100.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm” tại phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương do bên vay làm chủ đầu tư. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản vay đầu tiên với lãi suất cố định trong 12 tháng là 6.95%/năm. Sau đó sẽ điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 24 tháng trả lãi sau do bên cho vay công bố + biên độ 1.9%/năm. Công ty dùng quyền sử dụng đất, các tài sản trên đất thuộc dự án cấp nước Nam Thủ Dầu Một - giai đoạn 2 nâng công suất lên 100.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm (xem thuyết minh số 13) và quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng kinh tế v/v mua bán nước sạch số 05/HEKKT/2014 ngày 12/09/2014 làm tài sản thế chấp (xem thuyết minh số 7).

(v) Khoản vay Quỹ đầu tư phát triển Bình Dương là các khoản vay theo:

- Hợp đồng tín dụng số 11/2015/HĐTD-TDH ngày 16/12/2015 nhằm mục đích đầu tư xây dựng nhà máy cấp nước và mua sắm máy móc thiết bị giai đoạn II. Gốc vay được thanh toán trong thời hạn 84 tháng, trả theo quý (tháng đầu của quý), với lãi suất trong hạn là 7%/năm. Công ty dùng tài sản hình thành từ vốn vay và quyền thu tiền nước tại Công ty CP Nước - Môi trường Bình Dương (xem thuyết minh số 7) làm tài sản đảm bảo. Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2016 là 78.000.000.000 VND.
- Hợp đồng tín dụng số 02/2015/HĐTD-TDH ngày 22/04/2015 nhằm mục đích đầu tư nhà máy cấp nước và mua sắm máy móc thiết bị tại nhà máy nước Nam Thủ Dầu Một. Gốc vay được thanh toán trong thời hạn 06 năm, trả theo quý (tháng cuối của quý), với lãi suất trong hạn là 6,95%. Công ty dùng tài sản hình thành từ vốn vay làm tài sản đảm bảo. Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2016 là 72.500.000.000 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	112.868.500.000	62.001.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	407.064.731.087	302.449.000.000
Sau năm năm	-	54.409.231.087
	<b>519.933.231.087</b>	<b>418.859.231.087</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (Được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	112.868.500.000	62.001.000.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>407.064.731.087</b>	<b>356.858.231.087</b>

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại đầu năm trước	226.282.500.000	1.495.700.786	8.391.660.264	236.169.861.050
Tăng vốn trong năm	74.217.500.000	-	-	74.217.500.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	35.384.875.582	35.384.875.582
Trích quỹ trong năm	-	1.492.539.268	(5.384.875.582)	(3.892.336.314)
Chia cổ tức	-	-	(37.200.000.000)	(37.200.000.000)
<b>Số dư tại đầu năm nay</b>	<b>300.500.000.000</b>	<b>2.988.240.054</b>	<b>1.191.660.264</b>	<b>304.679.900.318</b>
Tăng vốn trong năm (i)	47.310.143.750	-	-	47.310.143.750
Lợi nhuận trong năm	-	-	57.773.689.250	57.773.689.250
Trích quỹ trong năm (ii)	-	-	(5.927.505.900)	(5.927.505.900)
<b>Số dư tại cuối năm nay</b>	<b>347.810.143.750</b>	<b>2.988.240.054</b>	<b>53.037.843.614</b>	<b>403.836.227.418</b>

(i) Tăng vốn trong năm là phần tăng vốn cho phát hành cổ phiếu đợt 3 cho các cổ đông hiện hữu, cụ thể:

Trong giai đoạn từ ngày 01/12/2015 đến ngày 31/12/2016, để đáp ứng nhu cầu vốn cho việc triển khai dự án Nhà máy nước Bàu Bàng, Công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng thông qua việc dự kiến phát hành thêm 10.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá bán 10.000 đồng/cổ phiếu theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 10/BB-HĐQT ngày 01/12/2015.

Đến ngày 01/3/2016, phương án tăng vốn từ 300 tỷ lên 400 tỷ nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua theo Biên bản họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2016.

Đến thời điểm ngày 30/9/2016, số vốn góp của cổ đông tăng thêm là 47.810.143.750 đồng, tương ứng 4.781.014 cổ phiếu.

Tuy nhiên, Công ty nhận thấy việc tăng vốn trên chưa có đủ hồ sơ chào bán ra công chúng và chưa được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt. Do vậy, theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐQT ngày 07/12/2016, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt việc hoàn trả tiền góp vốn cho các cổ đông cho phần vốn tăng thêm là 47.810.143.750 đồng.

Ngày 07/12/2016, Công ty đã phát hành thông báo số 194/TB-CPNTDM để thực hiện theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị về việc hoàn trả lại số vốn góp cho các cổ đông. Theo thông báo thì thời gian để Công ty thực hiện thanh toán cho các cổ đông là đến 16h ngày 15/12/2016, sau thời gian này, Công ty sẽ không giải quyết việc hoàn trả tiền vốn và số tiền chưa hoàn trả sẽ được ghi nhận tăng vốn cho Công ty.

Tính đến ngày 31/12/2016, không có cổ đông nào yêu cầu hoàn trả lại tiền vốn đã góp trong giai đoạn từ 1/12/2015 đến 31/12/2016. Cho nên Công ty vẫn ghi nhận trên khoản mục nguồn vốn chủ sở hữu số vốn tăng thêm này. Theo đánh giá của Tổng Giám đốc, việc ghi nhận này là hợp lý, phù hợp với bản chất giao dịch và tình hình thực tế của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

- (ii) Trong năm 2016 Công ty tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị Công ty ngày 31/12/2016. Phân trích lập quỹ này sẽ được thông qua trong kỳ họp đại hội đồng cổ đông năm 2017.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.000.000	36.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.781.014	30.050.000
- Cổ phiếu phổ thông	34.781.014	30.050.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.781.014	30.050.000
- Cổ phiếu phổ thông	34.781.014	30.050.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 14/7/2016, vốn điều lệ của Công ty là 360.000.000.000 VND, vốn góp thực tế của các cổ đông đến ngày 31/12/2016 như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ thực góp đến cuối năm			Vốn điều lệ thực góp đến ngày đầu năm		
	Số CP	VND	%	Số CP	VND	%
Công ty TNHH Sản xuất thương mại Quỳnh Phúc	13.700.000	137.000.000.000	39,39%	6.600.000	66.000.000.000	21,96%
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ kỹ thuật D&B	6.108.000	61.080.000.000	17,56%	4.500.000	45.000.000.000	14,98%
Công ty TNHH Thương mại NTP	6.100.000	61.000.000.000	17,54%	4.500.000	45.000.000.000	14,98%
Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước môi trường Bình Dương	-	-	0,00%	7.800.000	78.000.000.000	25,96%
Cổ đông khác	8.873.014	88.730.143.750	25,51%	6.650.000	66.500.000.000	22,13%
<b>Cộng</b>	<b>34.781.014</b>	<b>347.810.143.750</b>	<b>100,00%</b>	<b>30.050.000</b>	<b>300.500.000.000</b>	<b>100,00%</b>

Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông với tổng số tiền là 30.000.000.000 VND (năm trước là 7.200.000.000 VND)

**23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cung cấp nước sạch cho Bên liên quan - Công ty CP Nước Môi trường Bình Dương	150.556.031.080	101.919.224.527
<b>Cộng</b>	<b>150.556.031.080</b>	<b>101.919.224.527</b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	49.659.611.737	37.431.861.170
<b>Cộng</b>	<b>49.659.611.737</b>	<b>37.431.861.170</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.028.670.241	2.656.254.230
Chi phí nhân công	5.595.797.431	3.945.857.369
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.487.684.177	21.803.043.017
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.333.875.939	8.923.434.831
Chi phí khác bằng tiền	2.414.981.286	2.493.516.943
<b>Cộng</b>	<b>54.861.009.074</b>	<b>39.822.106.390</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.959.034.272	4.903.527.920
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.855.000.000	200.000.000
Doanh thu tài chính khác	1.143.709	150.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.815.177.981</b>	<b>5.253.527.920</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay bên liên quan	4.557.279.171	-
- Công ty sản xuất và thương mại Quỳnh Phúc	3.193.645.833	-
- Công ty TNHH Thương mại N.T.P	858.541.672	-
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật D&B	505.091.666	-
Chi phí lãi vay đối tượng khác	45.507.543.427	30.393.401.963
Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty CP Cấp nước Đồng Nai	1.501.349.753	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	1.415.530.875
Lỗ từ chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Cấp nước Đồng Nai	-	169.000.000
<b>Cộng</b>	<b>51.566.172.351</b>	<b>31.977.932.838</b>

**28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	1.686.061.114	1.091.721.944
Chi phí đồ dùng văn phòng	31.494.522	109.591.940
Chi phí khấu hao TSCĐ	442.653.785	281.979.628
Thuế, phí và lệ phí	141.707.139	73.105.685
Chi phí dịch vụ mua ngoài	994.341.096	766.929.063
Các khoản chi phí QLDN khác	709.690.721	66.916.960
<b>Cộng</b>	<b>4.005.948.377</b>	<b>2.390.245.220</b>

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động, đồng thời Công ty đang trong thời gian được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (miễn thuế trong 4 năm, và giảm 50% trong 05 năm tiếp kể từ khi có thu nhập chịu thuế) theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 28/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ cho dự án thuộc hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường theo Quy định của Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 20/5/2008 của Chính phủ.

Thu nhập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 là kỳ miễn thuế thu nhập doanh nghiệp thứ ba của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	57.773.689.250	35.384.875.582
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	5.927.505.900	3.892.336.314
<b>Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>51.846.183.350</b>	<b>31.492.539.268</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	32.921.381	27.189.224
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.575</b>	<b>1.158</b>

Quỹ khen thưởng phúc lợi năm nay được tạm trích theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị Công ty ngày 31/12/2016.

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	727.294.597.740	473.859.231.087
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(6.224.695.211)	(48.388.873.403)
Nợ thuần	721.069.902.529	425.470.357.684
Vốn chủ sở hữu	403.836.227.418	304.679.900.318
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>1,79</b>	<b>1,40</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.224.695.211	48.388.873.403
Phải thu khách hàng và phải thu khác	71.400.156.960	7.100.933.940
Phải thu cho vay ngắn hạn	1.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư tài chính	169.550.995.600	227.441.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>248.175.847.771</b>	<b>287.930.807.343</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	727.294.597.740	473.859.231.087
Phải trả người bán và phải trả khác	300.799.546.701	30.374.507.700
Chi phí phải trả	6.914.154.283	48.407.117.001
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.035.008.298.724</b>	<b>552.640.855.788</b>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty không có các khoản đầu tư cổ phiếu cho mục đích thương mại, theo đó Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu là từ Công ty Cp Nước Môi trường Bình Dương – Công ty liên kết.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>Tại ngày cuối năm</b>				
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.224.695.211	-	-	6.224.695.211
	71.400.156.960	-	-	71.400.156.960
Phải thu khách hàng và phải thu khác				
Phải thu cho vay ngắn hạn	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Đầu tư tài chính	5.000.000.000	-	164.550.995.600	169.550.995.600
<b>Tổng cộng</b>	<b>83.624.852.171</b>	<b>-</b>	<b>164.550.995.600</b>	<b>248.175.847.771</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	320.229.866.653	407.064.731.087	-	727.294.597.740
Phải trả người bán và phải trả khác	300.799.546.701	-	-	300.799.546.701
Chi phí phải trả	6.914.154.283	-	-	6.914.154.283
<b>Tổng cộng</b>	<b>627.943.567.637</b>	<b>407.064.731.087</b>	<b>-</b>	<b>1.035.008.298.724</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(544.318.715.466)</b>	<b>(407.064.731.087)</b>	<b>164.550.995.600</b>	<b>(786.832.450.953)</b>
<b>Tại ngày đầu năm</b>				
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.388.873.403	-	-	48.388.873.403
	7.100.933.940	-	-	7.100.933.940
Phải thu khách hàng và phải thu khác				
Phải thu cho vay ngắn hạn	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
Đầu tư tài chính	102.000.000.000	-	125.441.000.000	227.441.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>162.489.807.343</b>	<b>-</b>	<b>125.441.000.000</b>	<b>287.930.807.343</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	117.001.000.000	302.449.000.000	54.409.231.087	473.859.231.087
Phải trả người bán và phải trả khác	30.374.507.700	-	-	30.374.507.700
Chi phí phải trả	48.407.117.001	-	-	48.407.117.001
<b>Tổng cộng</b>	<b>195.782.624.701</b>	<b>302.449.000.000</b>	<b>54.409.231.087</b>	<b>552.640.855.788</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(33.292.817.358)</b>	<b>(302.449.000.000)</b>	<b>71.031.768.913</b>	<b>(264.710.048.445)</b>

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao, tuy nhiên Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**32. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan:*

**Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Nước Môi trường Bình Dương  
Công ty TNHH sản xuất Thương mại Quỳnh Phúc  
Công ty TNHH Thương mại NTP  
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B  
Thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc

**Mối quan hệ**

Công ty liên kết  
Cổ đông lớn  
Cổ đông và cùng thành viên chủ chốt  
Cổ đông và cùng thành viên chủ chốt  
Thành viên chủ chốt

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Ngoài các số dư và các giao dịch với các bên liên quan đã được trình bày trong các thuyết minh số 6; 7; 8; 9; 10; 16; 17; 19; 20; 23; 27 trong năm, Công ty còn có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
<b>Công ty Cổ phần Nước Môi trường Bình Dương</b>		
Chuyển tiền mua cổ phần	561.750.000.000	-
Chia cổ tức bằng tiền	7.800.000.000	1.872.000.000
Nhận tiền góp vốn	-	15.600.000.000
Thu tiền cho vay	-	80.000.000.000
Trả tiền mượn	-	15.755.000.000
Chuyển tiền mua hộ cổ phiếu Công ty CP Cấp nước Đồng Nai	40.500.000.000	67.500.000.000
Thu tiền từ chuyển nhượng cổ phiếu Công ty CP Cấp nước Đồng Nai	-	84.000.000.000
Lãi cho vay	-	1.200.000.001

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Thù lao của HĐQT và tổng giám đốc	1.404.000.000	1.236.000.000

**33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi chi xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 7.520.882.145 VND (năm trước là 48.105.272.533 VND) là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và chi chi xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng giảm các khoản phải trả là 33.465.907.382 VND (năm trước là 48.105.272.533 VND) và tăng giảm khoản phải thu là 25.945.025.237 VND (năm trước là 0 VND).

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 5.524.380.820 VND (số năm trước là 301.844.468 VND) là số tiền để thanh toán lãi vay phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên tăng giảm các khoản phải trả.

**34. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.



Trần Thế Hưng  
Tổng Giám đốc  
Bình Dương, ngày 17 tháng 3 năm 2017

Tăng Tô Văn  
Kế toán trưởng

Đinh Thị Thúy Nga  
Người lập biểu